

Bản án số: 304/2026/HS-PT

Ngày 28-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Khoa

Các Thẩm phán: Ông Lê Anh Sơn

Ông Nguyễn Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 249/2026/TLPT-HS ngày 11 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo Phạm Văn T, Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 do có kháng cáo của cá bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 164/2026/HS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 16 tháng 12 năm 1962 tại Hải Phòng; số CCCD: 031062000810; nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L2 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị N và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 244/QĐ-XPHC ngày 21/10/2020 của Công an huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt về hành vi Đánh bạc (đã được xóa tiền sự); bị bắt tạm giữ ngày 21/12/2025, đến ngày 30/12/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Ngô Văn T1, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1976 tại Hải Phòng; số CCCD: 030076014903; nơi cư trú: Thôn P, xã A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Bùi Thị M1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 54/2016/HS-ST ngày 14/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); bị bắt tạm

giữ ngày 21/12/2025, đến ngày 30/12/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Mai Thị L, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1969 tại Hải Phòng; số CCCD: 031169004622; nơi cư trú: TDP B, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn M2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn C1 (đã chết) và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 89/2020/HS-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ ngày 21/12/2025, đến ngày 30/12/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1978 tại Hải Phòng; số CCCD: 031078002714; nơi cư trú: TDP T (nay là TDP A), phường H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M3; có vợ là Nguyễn Ngọc H (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 388/QĐ-XPHC ngày 30/7/2019 của Công an huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt về hành vi Đánh bạc (đã được xóa tiền sự); bị bắt tạm giữ ngày 21/12/2025, đến ngày 30/12/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Ngô Thị L1, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1972 tại Hải Phòng; số CCCD: 031172016803; nơi cư trú: TDP H (nay là TDP H), phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn N1 và bà Nguyễn Thị T3 (đã chết); có chồng là Vũ Văn H1 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 390/QĐ-XPHC ngày 30/7/2019 của Công an huyện A, thành phố Hải Phòng xử phạt về hành vi Đánh bạc (đã được xóa tiền sự); bị bắt tạm giữ ngày 21/12/2025, đến ngày 30/12/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Ngoài ra còn có 03 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 21/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H phối hợp với Công an phường H bắt quả tang Phạm Văn T sử dụng nhà ở của T tại tổ dân phố V, phường H, thành phố Hải Phòng cho Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Trọng H3, Phạm Thị N2 cùng T chia thành 02 chiều bạc, đánh bạc dưới hình thức đánh

“phỏm” bằng bài tú lơ khơ được, thua bằng tiền nhằm mục đích thu lời bất chính. Quá trình bắt quả tang đã thu giữ:

- Số tiền 9.350.000 đồng, trong đó tại vị trí đánh bạc của Nguyễn Thị H2 số tiền 4.800.000 đồng, Phạm Thị N2 số tiền 550.000 đồng, Ngô Thị L1 số tiền 500.000 đồng và Phạm Văn T số tiền 3.500.000 đồng.

- Số tiền 11.600.000 đồng, trong đó tại vị trí đánh bạc của Nguyễn Xuân Đ số tiền 2.500.000 đồng, Ngô Văn T1 số tiền 8.800.000 đồng và Nguyễn Trọng H3 số tiền 300.000 đồng.

- 02 bộ tú lơ khơ 52 quân bài đã qua sử dụng, 02 thăm nỉ các đối tượng dùng để đánh bạc.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận: Trưa ngày 21/12/2025, Mai Thị L, Ngô Thị L1, Phạm Thị N2, Ngô Văn T1, Nguyễn Xuân Đ đến nhà ở của Phạm Văn T ăn cơm, uống nước tại đây. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày có Nguyễn Thị H2, Nguyễn Trọng H3 đến sau ngồi chơi uống nước tại nhà Trường, quá trình uống nước những người này rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền, T đồng ý và lấy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 lá có sẵn tại nhà mình đưa cho những người này sử dụng để đánh bạc. Trong đó, T cùng tham gia đánh bạc với N2, H2, L1 tại vị trí chính giữa gian phòng khách nhà Trường; còn L, H3, T1, Đ đánh bạc tại phòng khách vị trí bên phải bộ bàn ghế uống nước nhà Trường.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Văn B (sinh năm 1971, trú tại: D, Hồ N, Hải Phòng) và Nguyễn Văn P (sinh năm 1982, trú tại: L, K, Hải Phòng) đến ngồi chơi uống nước, không tham gia đánh bạc. Cả nhóm thống nhất cách thức đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền như sau: bộ bài dùng để chơi là bộ bài tú lơ khơ có 52 lá được chia cho 4 người, 3 người được 8 lá, 1 người được 9 lá, số bài còn lại sẽ để vào giữa chiếu (nọc) để khi chơi mọi người bốc bài. Người chơi giữ 9 lá (cũng là người nhất của ván trước) sẽ đánh lá bài đầu tiên, sau đó người chơi tiếp theo sẽ đánh một lá bài cho người kế tiếp theo chiều kim đồng hồ tính từ người đầu tiên. Nếu người chơi sau thấy lá bài trước hợp với các lá bài trên tay mình tạo thành phỏm (3 lá bài đồng chất liên tiếp nhau trở lên hoặc 3 lá bài đồng hạng trở lên) thì có thể ăn lá bài đó rồi đánh một lá bài cho người tiếp theo. Nếu người chơi không ăn lá bài của người chơi trước thì bốc 01 lá bài dưới chiếu rồi đánh một lá bài cho người chơi sau. Lượt chơi cứ thế tiếp diễn cho đến khi hết bài hoặc có người ù (tất cả các lá bài trên tay đều tạo thành phỏm). Nếu có người ù thì người ù là người thắng cuộc của ván bài. Nếu sau khi hết bài và không có người ù, người chơi cần phải hạ phỏm rồi tiến hành cộng điểm các lá bài không tạo thành phỏm trên tay để tính điểm và so sánh với người chơi khác. Người nào có số điểm của các quân bài cộng lại với nhau thấp nhất là người chiến thắng. Nếu có 2 người bằng điểm nhau thì người hạ “phỏm” trước sẽ thắng.

Trước khi chơi, các đối tượng tự thỏa thuận thống nhất với nhau mức độ số tiền thắng, thua mỗi ván bài là: người về nhì mất 20.000 đồng; người về ba mất 40.000 đồng; người về tư mất 60.000 đồng; người chơi nào bị “cháy” (không có phỏm) mất 100.000 đồng; ù mỗi người mất 100.000 đồng; ù thông, ù đồng hoa và ù tứ quý mỗi người mất 200.000 đồng cho người về nhất. Mỗi ván “ù” người chơi

phải bỏ ra số tiền ra tiền hồ là 50.000 đồng/ván ù, để riêng bên cạnh sau khi đánh bạc xong sẽ trả cho T. Đến 16 giờ ngày 21/12/2025 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Quá trình điều tra đã làm rõ được tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 20.950.000 đồng, trong đó: Ngô Văn T1 sử dụng 5.000.000 đồng, thắng 3.800.000 đồng, khi bị bắt có 8.800.000 đồng. Nguyễn Thị H2 sử dụng 4.000.000 đồng, thắng 800.000 đồng, khi bị bắt có 4.800.000 đồng. Mai Thị L sử dụng 3.600.000 đồng, đã thua hết số tiền này. Phạm Văn T sử dụng 3.150.000 đồng, thắng 350.000 đồng, khi bị bắt có 3.500.000 đồng. Nguyễn Xuân Đ sử dụng 2.000.000 đồng, thắng 500.000 đồng, khi bị bắt có 2.500.000 đồng. Ngô Thị L1 sử dụng 1.200.000 đồng, thua 700.000 đồng, khi bị bắt còn 500.000 đồng. Phạm Thị N2 sử dụng 1.000.000 đồng, thua 450.000 đồng, khi bị bắt còn 550.000 đồng. Nguyễn Trọng H3 sử dụng 1.000.000 đồng, thua 700.000 đồng, khi bị bắt còn 300.000 đồng.

Ngô Văn T1 tự nguyện giao nộp 01 xe ô tô loại xe 4 chỗ nhãn hiệu Huyndai Kona màu đỏ gắn biển kiểm soát: 15A-540.72 có số khung: 81ABKN007400, số máy: G4NHK W641875, số tiền 109.000.000 đồng trên xe ô tô. Qua quá trình xác minh, xác định Nguyễn Thị L2 là chủ sở hữu hợp pháp, ngày 02/02/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trả lại chiếc xe trên và số tiền 109.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị L2.

Bản án hình sự sơ thẩm số 164/2026/HS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Gá bạc” và “Đánh bạc”, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Gá bạc” và 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ từ ngày 22/12/2025 đến ngày 30/12/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 với bị cáo Đ, Lệnh); Điều 17; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1; tuyên bố các bị cáo Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 phạm tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 21 (Hai mươi một) tháng tù; bị cáo Mai Thị L 18 (Mười tám) tháng tù; bị cáo Nguyễn Xuân Đ 15 (Mười lăm) tháng tù và bị cáo Ngô Thị L1 12 (Mười hai) tháng tù. Trừ cho các bị cáo 09 ngày bị tạm giữ từ ngày 22/12/2025 đến ngày 30/12/2025.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Văn T, Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn T về tội “Gá bạc” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; bị cáo Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Gá bạc” và 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 33 (Ba mươi ba) tháng tù; xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 21 (Hai mươi một) tháng tù; bị cáo Mai Thị L 18 (Mười tám) tháng tù; bị cáo Nguyễn Xuân Đ 15 (Mười lăm) tháng tù và bị cáo Ngô Thị L1 12 (Mười hai) tháng tù là có căn cứ. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 đã nộp đủ án phí hình sự sơ thẩm, đồng thời các bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới thể hiện: Bị cáo Đ có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng Bằng khen, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T đã nộp đủ 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng tiền phạt bổ sung theo quyết định của Bản án sơ thẩm, các bị cáo T, T1, L, L1 trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt pháp luật được chính quyền địa phương xác nhận, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt và cho bị cáo Đ, L1 được hưởng án treo; giảm hình phạt cho các bị cáo T, T1, L.

Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 07/7/2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án, tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn T, Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 có mặt. Ngày 09/7/2026 bị cáo T, T1 nộp đơn kháng cáo, ngày 20/7/2026 bị cáo L, Đ, L1 nộp đơn kháng cáo là vẫn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn T về tội “Gá bạc” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; bị cáo Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (*Mười tám*) tháng tù về tội “Gá bạc” và 15 (*Mười lăm*) tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù; xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 21 (*Hai mươi mốt*) tháng tù; bị cáo Mai Thị L 18 (*Mười tám*) tháng tù; bị cáo Nguyễn Xuân Đ 15 (*Mười lăm*) tháng tù và bị cáo Ngô Thị L1 12 (*Mười hai*) tháng tù là có căn cứ. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 đã nộp đủ án phí hình sự sơ thẩm, đồng thời các bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới thể hiện: Bị cáo Đ có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng Bằng khen, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo Đ được hưởng quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T đã nộp đủ 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng tiền phạt bổ sung theo quyết định của Bản án sơ thẩm, các bị cáo T, T1, L, L1 trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt pháp luật được chính quyền địa phương xác nhận, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; nên có thể xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với các bị cáo Đ, L1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng nên có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, khoan hồng cho các bị cáo, cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội, tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt và cho bị cáo Đ, L1 được hưởng án treo; giảm hình phạt cho các bị cáo T, T1, L.

[4] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T, Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1; sửa Bản án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Gá bạc” và “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội “Gá bạc”, 06 (*S*) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 18 (*Mười tám*) tháng tù, trừ cho bị cáo các ngày tạm giữ trước (từ ngày 21/12/2025 đến ngày 30/12/2025). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn T1, Mai Thị L phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T1, Mai Thị L mỗi bị cáo 09 (*Chín*) tháng tù, trừ cho bị cáo T1, L các ngày tạm giữ trước (từ ngày 21/12/2025 đến ngày 30/12/2025). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Văn T, Ngô Văn T1, Mai Thị L. Thời hạn C2 đi khỏi nơi cư trú được tính kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 với bị cáo Nguyễn Xuân Đ); Điều 17; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 mỗi bị cáo 09 (*Chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân Đ cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Ngô Thị L1 cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

“Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không

được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.”

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phạm Văn T, Ngô Văn T1, Mai Thị L, Nguyễn Xuân Đ, Ngô Thị L1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 164/2026/HS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND KV3 - Hải Phòng;
- TAND KV3 - Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an TP Hải Phòng;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an TP Hải Phòng;
- Phòng THADS KV3 - Hải Phòng;
- UBND phường An Phong, TP Hải Phòng;
- UBND phường Hồng An, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy Khoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn

Nguyễn Văn Lâm

Bùi Duy Khoa